

Số:04/2025/QĐST-HNGĐ

B.X, ngày 21 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đ.T.T

Địa chỉ: tổ 10, thị trấn B.X, huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh L.M.T

Địa chỉ: tổ 10, thị trấn B.X, huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 của Luật Hôn nhân & Gia đình.
- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đ.T.T và anh L.M.T
 - Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đ.T.T và anh L.M.T, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ.T.T và anh L.M.T chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.
 - Về con chung: Giao cháu Lý Minh Tuấn sinh ngày 28/05/2011 và cháu L.M.T sinh ngày 21/07/2019 cho chị Đ.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).
- Về Cấp dưỡng nuôi con: Anh L.M.T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu L.M.T là 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn)/ 1 tháng cho đến khi cháu L.M.T sinh ngày 21/07/2019 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, anh L.M.T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Chị Đ.T.T nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002897 ngày 27/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.X. Hoàn trả lại cho chị Đ.T.T tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh L.M.T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND huyện BX
- THADS huyện BX;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – Tập QĐ.
- UBND xã Bán Qua (nơi đkkh)
- UBND thị trấn BX (nơi cư trú)

Thẩm phán

Đỗ Thị Thanh Hương